TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 495/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22/10/2018
V/v Ly hôn D – T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ

2. Bà Phan Thị Phượng

-***Thư ký phiên tòa:*** Trần Thị Kim Yến- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú

Ngày 22 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 488/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Âu Thị D, sinh năm 1996 nơi cư trú: Ấp BA, xã VTT, huyện CP, An Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 nơi cư trú: Ấp TA, xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang.

Chị D có mặt, anh T xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 9 năm 2018 và lời khai của nguyên đơn chị Âu Thị D trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T chung sống vợ chồng năm 2009 không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khi có con thì thường xuyên cự cãi với nhau. Vợ chồng đã không còn chung sống với nhau khoảng 06 năm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh T. Chị và anh T có một con chung Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh năm 2010 hiện

đang sống với anh T. Chị đồng ý giao con cho anh T tiếp tục nuôi. Chị và anh T không có tài sản chung, nợ chung.

Bản tự khai ngày 24 tháng 9 năm 2018 bị đơn anh Nguyễn Văn T thống nhất thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng như chị D trình bày. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Dớ. Con chung Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh năm 2010 anh xin tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con. Anh và chị D không có tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Anh T là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng anh có đơn xin vắng mặt khi xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết:

Chị D và anh T chung sống vợ chồng năm 2009, không có đăng ký kết hôn. Chị D và anh T chung sống vợ chồng nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa chị D và anh T là vợ chồng.

Chị D và anh T có 01 con chung Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh năm 2010, cả hai thống nhất anh T được tiếp tục nuôi con chung. Anh T không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị D, anh T thống nhất không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Âu Thị D và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Chị D và anh T có 01 con chung Nguyễn Thị Thảo Ng, sinh năm 2010 giao anh T được tiếp tục nuôi con chung. Anh T không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T và các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tạo điều kiện chị D thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở chị D thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010226 ngày 19/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Anh T vắng mặt thời hạn kháng 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thế Văn